

Bản án số: 134/2024/DS-ST

Ngày: 13-9-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngoan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thành Đồng

Ông Lê Thành Đông

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:***  
Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 514/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 312/2024/QĐST-DS ngày 13/8/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Ngô Nhật T, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh Trần Quang K, sinh 1996.

Nơi thường trú: số D, khu phố X, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Cùng địa chỉ liên hệ: số E, đường số x, khu dân cư S, khu phố Mỹ T, phường p, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn T – Công ty Luật Luật sư Mến & Cộng sự - Chi nhánh Miền Tây.

Địa chỉ: số E, đường số x, khu dân cư S, khu phố Mỹ T, phường p, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:* Bà Trần Thị K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số S, ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Chí A, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số S, ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Anh Ngô Nhật T, Trần Quang K và Nguyễn Văn T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bà K, ông A vắng mặt không lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cùng các văn bản, tài liệu cung cấp cho Tòa, đơn xin giải quyết vắng mặt, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L là anh Ngô Nhật T, anh Trần Quang K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Văn T trình bày:

Qua sự giới thiệu của bà Nguyễn Thị Lách, bà L có quen biết với bà Trần Thị K. Vào ngày 11/6/2023, bà K có vay của bà L số tiền 200.000.000 đồng để kinh doanh mua bán dừa, lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 1,66%, thời gian vay là 30 ngày (từ ngày 11/6/2023 đến ngày 11/7/2023). Đến ngày 11/7/2023, bà K xin chưa trả gốc và đồng ý trả tiền lãi cho bà L 6.000.000 đồng. Đáng lẽ bà K trả cho bà L tiền lãi 01 tháng là 3.320.000 đồng, tuy nhiên do bà K muốn tiếp tục gia hạn tiền gốc thêm 01 tháng nữa là đến ngày 11/8/2023 nên bà K phải trả thêm một phần lãi từ 12/7/2023 đến 11/8/2023 là 2.680.000 đồng. Tổng cộng bà K hứa đưa tiền lãi cho bà L là 6.000.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 11/8/2023 là ngày trả tiền gốc 200.000.000 đồng nhưng bà K không trả lại tiền gốc cho bà L. Qua nhiều lần bà L liên hệ yêu cầu bà K và ông Em trả nợ nhưng không có kết quả, sau đó bà K và ông Em tránh mặt và cắt đứt liên lạc với bà L. Khi vay tiền bà K có viết và ký tên vào biên nhận. Qua giám định chữ viết và chữ ký đã kết luận chữ viết và chữ ký của “người mượn” là của bà K. Đối với ông Em tuy không có ký tên trong giấy nợ nhưng ông Em là chồng bà K, cùng làm ăn chung với nhau, bà K mượn tiền với lý do để kinh doanh mua bán dừa phục vụ cho việc phát triển kinh tế và chi tiêu trong gia đình.

Vì vậy bà L yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị K cùng chồng là ông Nguyễn Chí A liên đới trách nhiệm trả cho bà L số tiền gốc còn nợ là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/8/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0.83%/tháng, tính tròn 13 tháng.

Bị đơn bà Trần Thị K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí A đã được tổng đạt hợp lệ nhưng ông bà đều vắng mặt không lý do trong các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và tại phiên tòa. Vào ngày 02/01/2024, ông Nguyễn Văn Đức là cha của bà Trần Thị K nộp văn bản trình bày ý kiến của bà K với nội dung bà K không có nợ bà L và không biết bà L là ai. Ngày 20/7/2024, bà Trần Thị K gửi văn bản trình bày ý kiến với nội dung bà không vay tiền của bà Nguyễn Thị Trúc L mà vay tiền của ông Lê Kim Hùng 200.000.000 đồng, bà nhận tiền tại nhà ông Hùng, đóng lãi cho ông Hùng. Vì vậy bà sẽ trả dần số tiền trên cho ông Hùng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- + Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 75 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia đầy đủ các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L. Buộc bà Trần Thị K và ông Nguyễn Chí A liên đới trách nhiệm trả cho bà L số tiền gốc còn nợ là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi từ ngày 11/8/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà L được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có xin đơn xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà L khởi kiện yêu cầu bà K và ông Em liên đới trách nhiệm trả số tiền vay gốc còn nợ là 200.000.000 đồng và lãi chậm trả kể từ ngày 12/8/2023 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0.83%/tháng. Bà L cung cấp là bản chính biên nhận nội dung thể hiện: “Tôi Trần Thị K sinh 05/05/1984 CC công dân 0831840111 cấp ngày 10/5/2021 ngụ tại 1122 ấp Hưng Bình, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

*Tôi có mượn của chị Nguyễn Thị Trúc L sinh 1977 ngụ tại ấp 5 xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tổng số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng chẵn) do chị Nguyễn Thị Lách sinh 1968 ngụ tại ấp Hưng Bình, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre để hỏi mượn dùm tôi mua dừa trong thời gian 30 ngày kể từ ngày hỏi mượn nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm, người mượn ký tên Trần Thị K”.*

Đồng thời nguyên đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong biên nhận (ký hiệu A) tại mục người mượn so sánh với chữ ký và chữ viết tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị K và ông Trần Thanh Tâm ngày 29/8/2023 được lưu giữ tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai (ký hiệu M1); phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay đề ngày 27/4/2023 của Hội nông dân xã Hưng Nhượng (ký hiệu M2) có phải là chữ ký và chữ viết của bà K không?

Theo kết luận giám định số 509/2024/KL-KTHS ngày 01/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bến Tre đã kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên “Trần Thị K” dưới mục “Người mượn” trên tài liệu cần giám định so

với chữ ký, chữ viết mang tên “Trần Thị K” trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiện M1, M2) do cùng một người ký viết ra. Như vậy có cơ sở xác định bà Trần Thị K có ký và ghi họ tên vào giấy đề ngày 11/06/2023. Tòa án cũng đã tổng đạt kết quả giám định này bà K và ông Em, ông bà không có ý kiến gì.

Bà K cho rằng không quen biết bà L, không nợ tiền bà L, bà chỉ vay tiền của ông Lê Kim Hùng là không có cơ sở. Theo biên bản xác minh ngày 17/7/2024 ông Lê Kim Hùng và vợ và bà Nguyễn Thị Lách đều xác nhận do cần tiền vốn để bà K và chồng là ông A mua bán dừa nên bà K có nhờ bà Lách giới thiệu người để bà K vay tiền. Vì vậy bà Lách đã giới thiệu bà L cho bà K hỏi mượn tiền, tại nhà bà Lách và ông Hùng bà L cho bà K vay số tiền 200.000.000 đồng, hai bên có lập giấy nợ, bà K có ký tên vào giấy nợ. Số tiền 200.000.000 đồng này là của bà L cho bà K vay chứ không liên quan gì đến bà Lách và ông Hùng.

Theo nội dung giấy biên nhận thể hiện vào ngày 11/06/2023 bà K vay của bà L 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày hỏi mượn. Giấy mượn tiền không thể hiện việc thỏa thuận lãi suất.

Theo trích lục kết hôn số 180/TLKH-BS ngày 26/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre thể hiện bà Trần Thị K và ông Nguyễn Chí A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Nhượng vào ngày 06/04/2016. Số tiền mượn trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bà K và ông Em, phục vụ cho kinh doanh mua bán dừa của gia ông bà nên ông Em phải có trách nhiệm liên đới cùng bà K trả số nợ trên.

Tại Điều 463 Bộ luật Dân quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng .....”. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là 30 ngày kể từ ngày 11/06/2023, đến nay đã quá thời hạn trả.

Việc nguyên đơn yêu cầu bà K và ông Em trả lãi chậm trả kể từ ngày 12/8/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp với quy định nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính từ ngày 12/8/2023 như sau:  $200.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 13 \text{ tháng} = 21.580.000 \text{ đồng}$ .

Do đó việc bà L yêu cầu bà K và ông Em liên đới trách nhiệm trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 21.580.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký và chữ viết là 3.532.000 (ba triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn) đồng, bà Trần Thị K và ông Nguyễn Chí A có trách nhiệm liên đới nộp. Do bà Nguyễn Thị Trúc L đã nộp tạm ứng chi phí này vì vậy cần buộc bà Trần Thị K và ông Nguyễn Chí A có trách nhiệm trả cho bà L số tiền trên.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà K được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà K và ông Em phải liên đới trách nhiệm nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là  $221.580.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.079.000 \text{ đồng}$ .

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 228, 357, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L. Buộc bà Trần Thị K và ông Nguyễn Chí A có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Trúc L số tiền gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và tiền lãi tính đến ngày 13/9/2024 là 21.580.000 đồng (hai mươi một triệu, năm trăm tám mươi nghìn) đồng.

*Kể từ ngày ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

[2] Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị K và ông Nguyễn Chí A có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Trúc L số tiền 3.532.000 (ba triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trần Thị K và ông Nguyễn Chí A có trách nhiệm liên đới nộp là 11.079.000 (mười một triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Trúc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000 (tám trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001688 ngày 16/8/2024 và 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002672 ngày 21/12/2023.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Ngoan**

